

## Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên

- ▶ Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của quý vị có thể khấu lưu thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của quý vị.
- ▶ Đưa Mẫu W-4 cho chủ lao động của quý vị.
- ▶ Khoản khấu lưu của quý vị có thể được IRS xét lại.

<b>Bước 1: Nhập Thông Tin Cá Nhân</b>	(a) Tên và chữ viết tắt tên đệm	Họ	(b) Số an sinh xã hội
	Địa chỉ		▶ Tên của quý vị có khớp với tên trên thẻ an sinh xã hội của quý vị không? Nếu không, để bảo đảm quý vị được công nhận cho thu nhập kiểm được của mình, liên lạc SSA tại 800-772-1213 hoặc truy cập <a href="http://www.ssa.gov">www.ssa.gov</a> .
	Thành phố hoặc thị trấn, tiểu bang và mã ZIP		
(c) <input type="checkbox"/> Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế <input type="checkbox"/> Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người góa vợ/chồng đủ điều kiện <input type="checkbox"/> Chủ gia đình (Chỉ đánh dấu nếu quý vị chưa kết hôn và phải trả hơn một nửa chi phí để duy trì ngôi nhà cho chính mình và một người đủ điều kiện.)			

**CHỈ** hoàn thành các Bước 2-4 nếu áp dụng đối với quý vị; nếu không, nhảy sang Bước 5. Xem trang 2 để biết thêm thông tin cho từng bước, đối tượng nào có thể yêu cầu miễn khấu lưu thuế, khi nào cần sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4AppVie](http://www.irs.gov/W4AppVie), và quyền riêng tư.

**Bước 2:  
Nhiều Công Việc hoặc Người Phối Ngẫu Đi Làm**

Hoàn thành bước này nếu quý vị (1) làm nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và người phối ngẫu của quý vị cũng đi làm. Khoản khấu lưu đúng phụ thuộc vào thu nhập kiểm được từ tất cả các công việc này.

Thực hiện **chỉ một** trong những yêu cầu sau.

(a) Sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4AppVie](http://www.irs.gov/W4AppVie) để tính chính xác nhất khoản khấu lưu cho bước này (và các Bước 3-4); **hoặc**

(b) Sử dụng Bảng Tính cho Nhiều Công Việc ở trang 3 và nhập kết quả vào Bước 4(c) bên dưới để tính được khoản khấu lưu gần chính xác; **hoặc**

(c) Nếu chỉ có tổng cộng hai công việc, quý vị có thể đánh dấu vào ô này. Thực hiện tương tự trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Tùy chọn này chính xác đối với các công việc có mức lương tương tự; nếu không, khoản thuế bị khấu lưu có thể nhiều hơn mức cần thiết. . . . .

**MEO:** Để được chính xác, nộp Mẫu W-4 năm 2022 cho tất cả các công việc khác. Nếu quý vị (hoặc người phối ngẫu) có thu nhập từ việc tự kinh doanh, bao gồm cả việc là nhà thầu độc lập, hãy sử dụng công cụ ước tính.

Hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho duy nhất **MỘT** công việc trong số này. Để trống các bước đó cho các công việc khác. (Khoản khấu lưu của quý vị sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho công việc có mức lương cao nhất.)

<b>Bước 3: Kê Khai Người Phụ Thuộc</b>	Nếu tổng thu nhập của quý vị là \$200.000 trở xuống (\$400.000 trở xuống nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế): Nhân số trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi với \$2.000 . . . . . ▶ \$ _____ Nhân số người phụ thuộc khác với \$500 . . . . . ▶ \$ _____ Cộng các số tiền ở trên và nhập tổng số ở đây . . . . . <b>3</b> \$ _____	
<b>Bước 4 (không bắt buộc): Các Điều Chỉnh Khác</b>	(a) <b>Thu nhập khác (không phải từ công việc).</b> Nếu quý vị muốn khấu lưu thuế đối với thu nhập khác mà quý vị dự kiến năm nay mà không có khấu lưu, nhập các khoản thu nhập khác vào đây. Các khoản này có thể bao gồm tiền lãi, cổ tức và thu nhập hưu trí . . . . . <b>4(a)</b> \$ _____	
	(b) <b>Các khoản khấu trừ.</b> Nếu quý vị mong đợi yêu cầu các khoản khấu trừ không phải là khấu trừ tiêu chuẩn và muốn giảm khoản khấu lưu của quý vị, sử dụng Bảng Tính cho Các Khoản Khấu Trừ ở trang 3 và nhập kết quả vào đây . . . . . <b>4(b)</b> \$ _____	
	(c) <b>Khấu lưu bổ sung.</b> Nhập bất kỳ khoản thuế bổ sung nào quý vị muốn khấu lưu mỗi kỳ trả lương . . . . . <b>4(c)</b> \$ _____	

<b>Bước 5: Ký Tên Ở Đây</b>	Theo hình phạt của tội khai man, tôi tuyên bố rằng giấy chứng nhận này, theo hiểu biết và sự tin tưởng tốt nhất của tôi, là thật, đúng, và đầy đủ.		
	Chữ ký của nhân viên (Mẫu đơn này không hợp lệ trừ khi quý vị ký tên.)		Ngày
<b>Dành cho Chủ Lao Động</b>	Tên và địa chỉ của chủ lao động	Ngày đầu tiên làm việc	Mã số thuế của chủ lao động (EIN)

## Hướng Dẫn Chung

Các tham chiếu đoạn là của Bộ Luật Thuế Vụ.

### Những Thay Đổi Trong Tương Lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Mẫu W-4, chẳng hạn như luật được ban hành sau khi mẫu đơn được công bố, truy cập [www.irs.gov/FormW4Vie](http://www.irs.gov/FormW4Vie).

### Mục Đích của Mẫu

Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của quý vị. Nếu khoản khấu trừ là quá ít, quý vị thường sẽ nợ thuế khi nộp tờ khai thuế và có thể nợ một khoản tiền phạt. Nếu khoản khấu trừ là quá nhiều, quý vị thường sẽ được hoàn lại tiền. Hoàn thành Mẫu W-4 mới nếu những thay đổi về tình hình tài chính hoặc cá nhân của quý vị có thể thay đổi thông tin trong các mục trên mẫu đơn. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ và khi nào quý vị phải cung cấp Mẫu W-4 mới, xem Ấn Phẩm 505, Khấu Trừ Thuế và Thuế Ước Tính.

**Miễn khấu trừ thuế.** Quý vị có thể yêu cầu miễn khấu trừ cho năm 2022 nếu quý vị đáp ứng cả hai điều kiện sau: quý vị không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2021 và quý vị dự kiến sẽ không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2022. Quý vị không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2021 nếu (1) tổng số thuế của quý vị ở dòng 24 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2021 của quý vị là không (hoặc nhỏ hơn tổng số của các dòng 27a, 28, 29 và 30), hoặc (2) quý vị không bắt buộc phải khai thuế vì thu nhập của quý vị thấp hơn ngưỡng phải khai thuế đối với tình trạng khai thuế đúng của quý vị. Nếu quý vị yêu cầu miễn, quý vị sẽ không bị khấu trừ thuế thu nhập từ phiếu lương của mình và có thể sẽ nợ thuế cũng như tiền phạt khi quý vị nộp tờ khai thuế năm 2022. Để yêu cầu miễn khấu trừ, hãy chứng nhận rằng quý vị đáp ứng cả hai điều kiện ở trên bằng cách viết "Miễn" trên Mẫu W-4 vào khoảng trống bên dưới Bước 4(c). Sau đó, hoàn thành các Bước 1(a), 1(b), và 5. Không hoàn thành bất kỳ các bước nào khác. Quý vị sẽ cần nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 15 tháng 2, 2023.

**Quyền riêng tư của quý vị.** Nếu quý vị muốn giới hạn thông tin được cung cấp trong các Bước từ 2 đến 4, hãy sử dụng công cụ ước tính trực tuyến, điều này cũng giúp tăng độ chính xác.

Một cách thay thế cho công cụ ước tính: nếu quý vị có thắc mắc về Bước 2(c), quý vị có thể chọn Bước 2(b); nếu quý vị có thắc mắc về Bước 4(a), quý vị có thể nhập một số tiền bổ sung mà quý vị muốn khấu trừ cho mỗi kỳ trả lương trong Bước 4(c). Nếu đây là công việc duy nhất trong gia đình của quý vị, thay vào đó, quý vị có thể đánh dấu vào ô ở Bước 2(c), điều này sẽ tăng khoản khấu trừ và giảm đáng kể tiền lương của quý vị (thường là hàng nghìn đô-la cho cả năm).

**Khi nào sử dụng công cụ ước tính.** Cần nhắc sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4AppVie](http://www.irs.gov/W4AppVie) nếu quý vị:

1. Dự kiến chỉ làm việc một phần thời gian trong năm;
2. Có thu nhập từ cổ tức hoặc lãi vốn, hoặc phải chịu các loại thuế bổ sung, chẳng hạn như Thuế Medicare Phụ Trợ;
3. Có thu nhập từ công việc tự kinh doanh (xem bên dưới); hoặc là
4. Ưa chuộng khấu trừ chính xác nhất cho các trường hợp nhiều công việc.

**Tự kinh doanh.** Thông thường, quý vị sẽ nợ cả thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh đối với bất kỳ khoản thu nhập nào từ việc tự kinh doanh mà quý vị nhận được riêng biệt với tiền lương quý vị nhận được với tư cách là một nhân viên. Nếu quý vị muốn trả những khoản thuế này thông qua khấu trừ từ tiền lương của mình, hãy sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4AppVie](http://www.irs.gov/W4AppVie) để tính số tiền khấu trừ.

**Người nước ngoài tạm trú.** Nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú xem Thông Báo 1392, Hướng Dẫn Bổ Sung cho Mẫu W-4 cho Người Nước Ngoài Tạm Trú, trước khi hoàn thành mẫu đơn này.

## Hướng Dẫn Cụ Thể

**Bước 1(c).** Kiểm tra tình trạng khai thuế dự kiến của quý vị. Điều này sẽ xác định khoản khấu trừ tiêu chuẩn và thuế suất được sử dụng để tính khoản khấu trừ của quý vị.

**Bước 2.** Sử dụng bước này nếu quý vị (1) có nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị và người phối ngẫu của quý vị đều đi làm.

Tùy chọn (a) tính toán chính xác nhất khoản thuế bổ sung mà quý vị cần khấu trừ, trong khi đó tùy chọn (b) có kết quả tính toán với độ chính xác kém hơn một chút.

Nếu quý vị (và người phối ngẫu) chỉ có tổng cộng hai công việc, thay vào đó quý vị có thể đánh dấu vào ô ở tùy chọn (c). Quý vị cũng phải đánh dấu vào ô trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Nếu ô được đánh dấu, khoản khấu trừ tiêu chuẩn và khung thuế sẽ được cắt giảm một nửa cho mỗi công việc để tính khấu trừ. Tùy chọn này cho kết quả tính gần như chính xác đối với các công việc có mức lương tương tự; nếu không, khoản thuế bị khấu trừ có thể nhiều hơn mức cần thiết và số tiền phụ trợ này sẽ càng lớn khi chênh lệch mức lương giữa hai công việc càng lớn.

**Nhiều công việc.** Hoàn thành các Bước từ 3 đến 4(b) trên duy nhất một Mẫu W-4. Khoản khấu trừ sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị thực hiện trên Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất.

**Bước 3.** Bước này cung cấp hướng dẫn để xác định khoản tín thuế trẻ em và khoản tín thuế cho những người phụ thuộc khác mà quý vị có thể yêu cầu khi quý vị nộp tờ khai thuế. Để đủ điều kiện nhận khoản tín thuế trẻ em, trẻ phải dưới 17 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12, phải là người phụ thuộc của quý vị và sống với quý vị hơn nửa năm, cũng như phải có số an sinh xã hội theo yêu cầu. Quý vị có thể yêu cầu tín thuế cho người phụ thuộc khác nếu không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho người đó, chẳng hạn như một đứa trẻ lớn tuổi hơn hoặc một người họ hàng đủ điều kiện. Để biết thêm các yêu cầu về tình trạng hội đủ điều kiện cho các khoản tín thuế này, xem Ấn Phẩm 501, Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế. Quý vị cũng có thể bao gồm các khoản tín thuế khác mà quý vị đủ điều kiện trong bước này, chẳng hạn như tín thuế nước ngoài và tín thuế giáo dục. Để thực hiện điều này, cộng số tiền ước tính trong năm vào các khoản tín thuế cho người phụ thuộc của quý vị và nhập tổng số tiền vào Bước 3. Bao gồm các khoản tín thuế này sẽ làm tăng khoản tiền lương của quý vị và giảm số tiền hoàn lại quý vị có thể nhận được khi nộp tờ khai thuế.

### Bước 4 (không bắt buộc).

**Bước 4(a).** Ở bước này, nhập tổng thu nhập ước tính khác trong năm của quý vị, nếu có. Quý vị không nên bao gồm thu nhập từ bất kỳ công việc hoặc nghề tự kinh doanh nào. Nếu quý vị hoàn thành Bước 4(a), quý vị có thể sẽ không phải trả thuế ước tính cho khoản thu nhập đó. Nếu quý vị ưa chuộng trả thuế ước tính thay vì bị khấu trừ thuế trên các khoản thu nhập khác từ phiếu lương của mình, xem Mẫu 1040-ES, Thuế Ước Tính cho Cá Nhân.

**Bước 4(b).** Trong bước này, nhập số tiền từ Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ, dòng 5, nếu quý vị mong đợi yêu cầu các khoản khấu trừ khác không phải khoản khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản trên tờ khai thuế năm 2022 và muốn giảm khấu trừ để tính cho các khoản khấu trừ này. Điều này bao gồm cả các khoản khấu trừ từng khoản và các khoản khấu trừ khác, chẳng hạn như lãi khoản vay sinh viên và IRA.

**Bước 4(c).** Ở bước này, nhập bất kỳ khoản thuế phụ trợ nào quý vị muốn khấu trừ từ lương của mình mỗi kỳ trả lương, bao gồm bất kỳ số tiền nào từ Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ Cho Nhiều Công Việc, dòng 4. Nhập một số tiền vào đây sẽ làm giảm khoản tiền lương của quý vị và tăng số tiền hoàn lại của quý vị hoặc giảm bất kỳ số tiền thuế nào quý vị còn nợ.



**Bước 2(b)—Bảng Tính Các Khoản Khấu Lưu Cho Nhiều Công Việc** (Giữ cho hồ sơ của quý vị.)



Nếu quý vị chọn tùy chọn ở Bước 2(b) trên Mẫu W-4, hãy hoàn thành bảng tính này (để tính tổng số thuế phụ trội cho tất cả các công việc) trên **duy nhất MỘT** Mẫu W-4. Khoản khấu lưu sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị hoàn thành bảng tính và nhập kết quả vào Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất.

**Ghi chú:** Nếu nhiều hơn một công việc có tiền lương hàng năm nhiều hơn \$120.000 hoặc có nhiều hơn ba công việc, xem Ấn Phẩm 505 để xem các bảng bổ sung; hoặc quý vị có thể sử dụng công cụ ước tính khấu lưu trực tuyến tại [www.irs.gov/W4AppVie](http://www.irs.gov/W4AppVie).

- 1 **Hai công việc.** Nếu quý vị có hai công việc hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị và người phối ngẫu mỗi người có một công việc, tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4. Sử dụng hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn", tìm giá trị tại giao điểm của hai mức lương hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 1. Sau đó, **nhảy** đến dòng 3 . . . . . **1** \$ \_\_\_\_\_
- 2 **Ba công việc.** Nếu quý vị và/hoặc người phối ngẫu có ba công việc cùng lúc, hoàn thành các dòng 2a, 2b và 2c dưới đây. Nếu không, nhảy đến dòng 3.
  - a Tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 bằng cách sử dụng tiền lương hàng năm từ công việc được trả lương cao nhất trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và tiền lương hàng năm cho công việc được trả lương cao nhất tiếp theo của quý vị trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn". Tìm giá trị tại giao điểm của hai mức lương hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 2a **2a** \$ \_\_\_\_\_
  - b Cộng tiền lương hàng năm của hai công việc được trả lương cao nhất từ dòng 2a với nhau và sử dụng tổng số tiền đó làm mức tiền lương trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và sử dụng tiền lương hàng năm cho công việc thứ ba của quý vị trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn" để tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 và nhập số tiền này vào dòng 2b . . . . . **2b** \$ \_\_\_\_\_
  - c Cộng số tiền ở dòng 2a và 2b và nhập kết quả vào dòng 2c . . . . . **2c** \$ \_\_\_\_\_
- 3 Nhập số kỳ trả lương mỗi năm cho công việc được trả lương cao nhất. Ví dụ, nếu công việc đó trả lương hàng tuần, nhập 52; nếu trả lương cách tuần, nhập 26; nếu trả lương hàng tháng, nhập 12, v.v. **3** \_\_\_\_\_
- 4 **Chia** số tiền hàng năm ở dòng 1 hoặc dòng 2c cho số kỳ trả lương ở dòng 3. Nhập số tiền này vào đây và ở **Bước 4(c)** của Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất (cùng với bất kỳ khoản thu nhập bổ sung nào khác mà quý vị muốn khấu lưu) . . . . . **4** \$ \_\_\_\_\_

**Bước 4(b)—Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ** (Giữ cho hồ sơ của quý vị.)



- 1 Nhập ước tính của các khoản khấu trừ từng khoản năm 2022 của quý vị (từ Bảng A (Mẫu 1040)). Các khoản khấu trừ này có thể bao gồm lãi của khoản vay mua nhà đủ điều kiện, đóng góp từ thiện, các khoản thuế tiểu bang và địa phương (tối đa \$10.000), và chi phí y tế vượt mức 7,5% thu nhập của quý vị **1** \$ \_\_\_\_\_
- 2 Nhập:  $\left\{ \begin{array}{l} \bullet \$25.900 \text{ nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc là} \\ \text{người góa vợ/chồng đủ điều kiện} \\ \bullet \$19.400 \text{ nếu quý vị là chủ gia đình} \\ \bullet \$12.950 \text{ nếu quý vị là độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế} \end{array} \right\}$  . . . . . **2** \$ \_\_\_\_\_
- 3 Nếu dòng 1 lớn hơn dòng 2, lấy dòng 1 trừ dòng 2 và nhập kết quả vào đây. Nếu dòng 2 lớn hơn dòng 1, nhập "-0-" . . . . . **3** \$ \_\_\_\_\_
- 4 Nhập ước tính lãi khoản vay sinh viên của quý vị, khoản đóng góp IRA được khấu trừ, và một số điều chỉnh khác (từ Phần II của Bảng 1 (Mẫu 1040)). Xem Ấn Phẩm 505 để biết thêm thông tin . . . . . **4** \$ \_\_\_\_\_
- 5 **Cộng** dòng 3 và 4. Nhập kết quả tại đây và ở **Bước 4(b)** của Mẫu W-4 . . . . . **5** \$ \_\_\_\_\_

**Thông Báo về Đạo Luật Quyền Riêng Tư và Đạo Luật Giảm Bớt Thủ Tục Giấy Tờ.** Chúng tôi yêu cầu thông tin trên mẫu đơn này để thi hành luật Thuế Vụ của Hoa Kỳ. Đoạn 3402(f)(2) và 6109 của Bộ Luật Thuế Vụ và các quy định này yêu cầu quý vị cung cấp thông tin này; chủ lao động của quý vị sử dụng chúng để xác định khoản khấu lưu thuế thu nhập liên bang của quý vị. Việc không cung cấp mẫu đơn được hoàn thành hợp lệ sẽ dẫn đến việc quý vị được coi là người độc thân và không có mục nhập nào trong mẫu đơn; cung cấp thông tin gian lận có thể khiến quý vị chịu hình phạt. Thủ tục sử dụng thông tin này bao gồm cung cấp thông tin cho Bộ Tư Pháp cho các vụ kiện tụng dân sự và hình sự; cho các thành phố, tiểu bang, Đặc Khu Columbia, các khối thịnh vượng và lãnh thổ của Hoa Kỳ để sử dụng trong hoạt động quản lý luật thuế vụ của họ; và gửi cho Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh để sử dụng trong Danh Bạ Quốc Gia về Nhân Viên Mới. Chúng tôi cũng có thể tiết lộ thông tin này cho các quốc gia khác theo hiệp ước thuế, cho các cơ quan liên bang và tiểu bang để thực thi luật hình sự không liên quan đến thuế liên bang hoặc cho các cơ quan thực thi pháp luật và tình báo liên bang để chống khủng bố.

Quý vị không bắt buộc phải cung cấp thông tin được yêu cầu trên một mẫu đơn tuân theo Đạo Luật Giảm Bớt Thủ Tục Giấy Tờ trừ khi mẫu đơn đó hiển thị số kiểm soát hợp lệ của OMB. Sổ sách hoặc hồ sơ liên quan đến mẫu đơn hoặc hướng dẫn của mẫu đơn phải được lưu giữ nếu nội dung của các giấy tờ này vẫn có thể là quan trọng trong việc thi hành bất kỳ luật Thuế Vụ nào. Thông thường, các tờ khai thuế và thông tin của tờ khai được bảo mật, theo yêu cầu của đoạn 6103 của Bộ Luật.

Thời gian và chi phí trung bình cần thiết để hoàn thành và nộp mẫu đơn này sẽ khác nhau tùy theo tình huống cá nhân. Để biết mức ước tính trung bình, xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của quý vị.

Nếu quý vị có gợi ý để đơn giản hóa mẫu đơn này, chúng tôi chân thành lắng nghe từ quý vị. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của quý vị.

**Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế hoặc Người Góa Vợ/Chồng Đủ Điều Kiện**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$110	\$850	\$860	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.770	\$1.870
\$10.000 - 19.999	110	1.110	1.860	2.060	2.220	2.220	2.220	2.220	2.220	2.970	3.970	4.070
\$20.000 - 29.999	850	1.860	2.800	3.000	3.160	3.160	3.160	3.160	3.910	4.910	5.910	6.010
\$30.000 - 39.999	860	2.060	3.000	3.200	3.360	3.360	3.360	4.110	5.110	6.110	7.110	7.210
\$40.000 - 49.999	1.020	2.220	3.160	3.360	3.520	3.520	4.270	5.270	6.270	7.270	8.270	8.370
\$50.000 - 59.999	1.020	2.220	3.160	3.360	3.520	4.270	5.270	6.270	7.270	8.270	9.270	9.370
\$60.000 - 69.999	1.020	2.220	3.160	3.360	4.270	5.270	6.270	7.270	8.270	9.270	10.270	10.370
\$70.000 - 79.999	1.020	2.220	3.160	4.110	5.270	6.270	7.270	8.270	9.270	10.270	11.270	11.370
\$80.000 - 99.999	1.020	2.820	4.760	5.960	7.120	8.120	9.120	10.120	11.120	12.120	13.150	13.450
\$100.000 - 149.999	1.870	4.070	6.010	7.210	8.370	9.370	10.510	11.710	12.910	14.110	15.310	15.600
\$150.000 - 239.999	2.040	4.440	6.580	7.980	9.340	10.540	11.740	12.940	14.140	15.340	16.540	16.830
\$240.000 - 259.999	2.040	4.440	6.580	7.980	9.340	10.540	11.740	12.940	14.140	15.340	16.540	17.590
\$260.000 - 279.999	2.040	4.440	6.580	7.980	9.340	10.540	11.740	12.940	14.140	16.100	18.100	19.190
\$280.000 - 299.999	2.040	4.440	6.580	7.980	9.340	10.540	11.740	13.700	15.700	17.700	19.700	20.790
\$300.000 - 319.999	2.040	4.440	6.580	7.980	9.340	11.300	13.300	15.300	17.300	19.300	21.300	22.390
\$320.000 - 364.999	2.100	5.300	8.240	10.440	12.600	14.600	16.600	18.600	20.600	22.600	24.870	26.260
\$365.000 - 524.999	2.970	6.470	9.710	12.210	14.670	16.970	19.270	21.570	23.870	26.170	28.470	29.870
\$525.000 trở lên	3.140	6.840	10.280	12.980	15.640	18.140	20.640	23.140	25.640	28.140	30.640	32.240

**Độc Thân hoặc Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$400	\$930	\$1.020	\$1.020	\$1.250	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.970	\$2.040	\$2.040
\$10.000 - 19.999	930	1.570	1.660	1.890	2.890	3.510	3.510	3.510	3.610	3.810	3.880	3.880
\$20.000 - 29.999	1.020	1.660	1.990	2.990	3.990	4.610	4.610	4.710	4.910	5.110	5.180	5.180
\$30.000 - 39.999	1.020	1.890	2.990	3.990	4.990	5.610	5.710	5.910	6.110	6.310	6.380	6.380
\$40.000 - 59.999	1.870	3.510	4.610	5.610	6.680	7.500	7.700	7.900	8.100	8.300	8.370	8.370
\$60.000 - 79.999	1.870	3.510	4.680	5.880	7.080	7.900	8.100	8.300	8.500	8.700	8.970	9.770
\$80.000 - 99.999	1.940	3.780	5.080	6.280	7.480	8.300	8.500	8.700	9.100	10.100	10.970	11.770
\$100.000 - 124.999	2.040	3.880	5.180	6.380	7.580	8.400	9.140	10.140	11.140	12.140	13.040	14.140
\$125.000 - 149.999	2.040	3.880	5.180	6.520	8.520	10.140	11.140	12.140	13.320	14.620	15.790	16.890
\$150.000 - 174.999	2.040	4.420	6.520	8.520	10.520	12.170	13.470	14.770	16.070	17.370	18.540	19.640
\$175.000 - 199.999	2.720	5.360	7.460	9.630	11.930	13.860	15.160	16.460	17.760	19.060	20.230	21.330
\$200.000 - 249.999	2.970	5.920	8.310	10.610	12.910	14.840	16.140	17.440	18.740	20.040	21.210	22.310
\$250.000 - 399.999	2.970	5.920	8.310	10.610	12.910	14.840	16.140	17.440	18.740	20.040	21.210	22.310
\$400.000 - 449.999	2.970	5.920	8.310	10.610	12.910	14.840	16.140	17.440	18.740	20.040	21.210	22.470
\$450.000 trở lên	3.140	6.290	8.880	11.380	13.880	16.010	17.510	19.010	20.510	22.010	23.380	24.680

**Chủ Gia Đình**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$760	\$910	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.190	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$2.040	\$2.040
\$10.000 - 19.999	760	1.820	2.110	2.220	2.220	2.390	3.390	4.070	4.070	4.240	4.440	4.440
\$20.000 - 29.999	910	2.110	2.400	2.510	2.680	3.680	4.680	5.360	5.530	5.730	5.930	5.930
\$30.000 - 39.999	1.020	2.220	2.510	2.790	3.790	4.790	5.790	6.640	6.840	7.040	7.240	7.240
\$40.000 - 59.999	1.020	2.240	3.530	4.640	5.640	6.780	7.980	8.860	9.060	9.260	9.460	9.460
\$60.000 - 79.999	1.870	4.070	5.360	6.610	7.810	9.010	10.210	11.090	11.290	11.490	11.690	12.170
\$80.000 - 99.999	1.870	4.210	5.700	7.010	8.210	9.410	10.610	11.490	11.690	12.380	13.370	14.170
\$100.000 - 124.999	2.040	4.440	5.930	7.240	8.440	9.640	10.860	12.540	13.540	14.540	15.540	16.480
\$125.000 - 149.999	2.040	4.440	5.930	7.240	8.860	10.860	12.860	14.540	15.540	16.830	18.130	19.230
\$150.000 - 174.999	2.040	4.460	6.750	8.860	10.860	12.860	15.000	16.980	18.280	19.580	20.880	21.980
\$175.000 - 199.999	2.720	5.920	8.210	10.320	12.600	14.900	17.200	19.180	20.480	21.780	23.080	24.180
\$200.000 - 449.999	2.970	6.470	9.060	11.480	13.780	16.080	18.380	20.360	21.660	22.960	24.250	25.360
\$450.000 trở lên	3.140	6.840	9.630	12.250	14.750	17.250	19.750	21.930	23.430	24.930	26.420	27.730